TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 17/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Trung Nghĩa.
2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Kiều Mỹ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Quang S, sinh năm: 1989; Nơi đăng ký HKTT: ấp TTT, xã TPT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang; Hiện nay cư trú tại: Ấp NT, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Quang H (s) và bà Phạm Thị Thu T (s); Anh, chị, em ruột có: 03 người; Vợ: Trương Thủy T và có 02 đứa con; Tiền sự: Không có; Tiền án: 01 tiền án: Ngày 23/3/2016 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; Bị cáo tại ngoại; (Bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Ong H, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khóm 1, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

2. Trần Văn Ph, sinh năm: 1989; Nơi đăng ký HKTT: Ấp PH, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre; Hiện nay cư trú tại: Khóm WP, phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trương Thủy T, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: ấp NT, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Dương Thị Mũi Ê, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Khóm 1, Phường 1, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Khóm W P, phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

3. Trần Thị Kim H, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Hoa:* Ông Trần Chiêu, Cán bộ Đảng ủy Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 20/9/2017, bị cáo Lê Quang S điều khiển xe mô tô biển số 95U1-2560 lén lút vào phòng số 01 nhà trọ 268 thuộc Khóm 1, Phường 1, thị xã VC lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng của bị hại Ong H. Tiếp tục vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/10/2017 bị cáo S điều khiển xe mô tô biển số 95U1-2560 đến đoàn lô tô đang hoạt động tại Khóm WP, phường VP, thị xã VC lấy trộm 01 cái điện thoại di động hiệu Sony Xperia L1 màu đen của bị hại Trần Văn Ph. Sau khi phát hiện bị mất tài sản các bị hại đến trình báo với cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 66/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận tài sản của bị hại Ong H gồm: 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng có giá trị còn lại là **12.748.050 đồng.**

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 69/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận tài sản của bị hại Trần Văn Ph gồm: 01 cái điện thoại di động hiệu Sony Xperia L1 màu đen có giá trị còn lại là **4.265.500** đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu bị cáo Lê Quang S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 42/QĐ-KSĐT ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã truy tố bị cáo Lê Quang S, về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Quang S thừa nhận hành vi phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" của các bị hại Ong H và Trần Văn Ph. Xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Quang S có đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Quang S về tội "*Trộm cắp tài sản*". Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Quang S từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù;

+ Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Ong H và Trần Văn Ph đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đặt ra xem xét.

+ Về xử lý vật chứng: Xét thấy, bị cáo S sử dụng chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 làm phương tiện phạm tội là chị Trương Thủy T không biết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ

luật tố Tụng hình sự năm 2015 đề nghị trả lại chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 cho chị Trương Thủy T là người quản lý hợp pháp.

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang S thừa nhận có lấy trộm 01 cái điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của bị hại Ong H và 01 cái điện thoại di động hiệu Sony Xperia L1 màu đen của bị hại Trần Văn Ph đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và ý kiến đề nghị của vị Kiểm sát viên; Bị cáo Lê Quang S xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị hại Ong H và Trần Văn Ph thừa nhận có mất trộm tài sản đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và lời nhận tội của bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Ong H và Trần Văn Ph đã nhận đầy đủ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác; Về hình phạt: Xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo S theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thủy T trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 do chị T mua lại của người khác chưa làm thủ tục sang tên và chiếc xe này dùng để sử dụng làm phương tiện phục vụ cho gia đình. Còn việc bị cáo S sử dụng chiếc nêu trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là chị T không biết. Chị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao trả lại chiếc nêu trên để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

- Tại Cơ quan điều tra, những người làm chứng trình bày: Không thấy trực tiếp bị cáo Lê Quang S lấy trộm tài sản nêu trên của các bị hại. Khi sự việc xảy ra xong thì được nghe nói lại mới biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa: Bị hại Trần Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người làm chứng gồm: Dương Thị Mũi Ê, Nguyễn Thị Ngọc G, Trần Thị Kim H vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy sự vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lê Quang S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đã lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động Iphone 6S màu vàng của bị hại Ong H và 01 cái điện thoại di động hiệu Sony Xperia L1 màu đen của bị hại Trần Văn Ph có tổng giá trị còn lại là **17.013.550 đồng**. Xét thấy, hành vi của bị cáo Lê Quang S đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Cáo trạng số: 42/QĐ-KSĐT ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Lê Quang S, phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và có nhân thân xấu. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chỉ vì bản chất tham lam, lười biếng lao động, nhằm để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của mình, nên bị cáo lợi dụng lúc các bị hại Ong H và Trần Văn Ph ngủ say để lấy trộm điện thoại di động của các bị hại như đã nêu trên. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương. Hiện nay, tệ nạn trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu ngày càng gia tăng và gây ra sự hoang mang lo sợ cho nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, đối với bị cáo phải xử phạt thật nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này, cũng như nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số: 89/2016/HSST ngày 23/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Lê Quang S 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/5/2016. Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục vi phạm. Đồng thời trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 20/9/2017 đến ngày 01/10/2016 bị cáo S đã liên tục trực tiếp tham gia thực hiện hai vụ án trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội nhiều lần và tái phạm*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Tại Cơ quan điều tra bị cáo tự khai ra lần phạm tội vào ngày 01/10/2017; Sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Ong H số tiền 3.000.000 đồng (do bị cáo làm bể màn hình điện thoại); Phạm tội gây thiệt hại không lớn và tài sản được thu hồi kịp thời trả lại cho các bị hại; Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, g, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Ong H và Trần Văn Ph đã nhận tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 do chị Trương Thủy T là người quản lý hợp pháp. Xét thấy, việc bị cáo Lê Quang S sử dụng chiếc xe nêu trên làm phương tiện phạm tội chị Tiên không biết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015 trả lại chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 do chị Trương Thủy T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Quang S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang S, phạm tội *"**Trộm cắp tài sản**"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lê Quang S: **01 (một) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Ong H và Trần Văn Ph không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại chiếc xe mô tô biển số 95U1-2560 cho chị Trương Thủy T là người quản lý hợp pháp, theo Phiếu nhập kho số: NK10 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Quang S phải chịu là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa, đổi bổ sung năm 2014)."

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TXVC;
- CA TXVC;
- THA TXVC;
- Sở TP TST;
- BC, BH; NCQLNVLQ;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương